BAOVIET Fund

QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

# ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

## QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO VIỆT (BVBF)

*(Bao Viet Bond Open-Ended Fund)*

Hà Nội, tháng 05 năm 2016

# ĐIỀU LỆ

# TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

# QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO VIỆT

# BaoViet Bond Open Ended Fund

*Năm 2016*

# MỤC LỤC


I. CĂN CỨ PHÁP LÝ ..... 1

II. CÁC ĐỊNH NGHĨA ..... 2

CHƯƠNG I. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG ..... 6

Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ ..... 6

Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ ..... 6

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ ..... 6

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng chỉ Quỹ chào bán ..... 7

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ ..... 7

Điều 6. Công ty Quản lý Quỹ ..... 7

Điều 7. Ngân hàng Giám sát ..... 7

CHƯƠNG II. CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU,CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ ..... 9

Điều 8. Mục tiêu đầu tư ..... 9

Điều 9. Chiến lược đầu tư ..... 9

Điều 10. Hạn chế đầu tư ..... 10

Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký Quỹ ..... 11

Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư ..... 12

CHƯƠNG III. NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯVÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ ..... 13

Điều 13. Nhà đầu tư ..... 13

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư ..... 13

Điều 15. Sổ đăng ký Nhà đầu tư ..... 13

Điều 16. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ ..... 14

Điều 17. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ ..... 19

Điều 18. Chuyển nhượngphi thương mại ..... 21

Điều 19. Giá bán, giá mua lại, Phí giao dịch Chứng chỉ Quỹ ..... 21

CHƯƠNG IV. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ ..... 23

Điều 20. Đại hội Nhà đầu tư ..... 23

Điều 21. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội Nhà đầu tư ..... 23

Điều 22. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội Nhà đầu tư ..... 24

Điều 23. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư ..... 25

Điều 24. Phản đối quyết định của Đại hội Nhà đầu tư ..... 25
CHƯƠNG V. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ ..... 27
Điều 25. Ban Đại diện Quỹ ..... 27
Điều 26. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại diện Quỹ ..... 27
Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ ..... 27
Điều 28. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ ..... 28
Điều 29. Thủ tục điều hành của Ban Đại diện Quỹ ..... 29
Điều 30. Đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban Đại diện Quỹ ..... 29
Điều 31. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ ..... 29
CHƯƠNG VI. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ..... 31
Điều 32. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý Quỹ ..... 31
Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ ..... 31
Điều 34. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty Quản lý Quỹ ..... 32
Điều 35. Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ ..... 33
CHƯƠNG VII. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT ..... 34
Điều 36. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng Giám sát ..... 34
Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát ..... 34
Điều 38. Hoạt động giám sát của Ngân hàng Giám sát ..... 35
Điều 39. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng Giám sát ..... 38
CHƯƠNG VIII. CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN ..... 39
Điều 40. Các hoạt động được ủy quyền ..... 39
Điều 41. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan ..... 39
Điều 42. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan ..... 40
Điều 43. Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền ..... 40
Điều 44. Chấm dứt hoạt động ủy quyền ..... 41
CHƯƠNG IX. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI, ĐẠI LÝ KÝ DANH ..... 42
Điều 45. Tiêu chuẩn lựa chọn, đánh giá Đại lý phân phối, Đại lý ký danh ..... 42
CHƯƠNG X. KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ..... 43
Điều 46. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán ..... 43
Điều 47. Năm tài chính ..... 43
Điều 48. Chế độ kế toán ..... 43

Điều 49. Báo cáo tài chính ....43
Điều 50. Báo cáo khác ....44
CHƯƠNG XI. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ ....45
Điều 51. Xác định giá trị tài sản ròng ....45
Điều 52. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ ....45
Điều 53. Quy trình định giá tài sản quỹ ....46
Điều 54. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá ....46
Điều 55. Đền bù thiệt hại cho Nhà đầu tư, Quỹ ....46
CHƯƠNG XII. LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ ....48
Điều 56. Lợi nhuận của quỹ ....48
Điều 57. Chi phí hoạt động của Quỹ ....48
CHƯƠNG XIII. TÁI CƠ CẤU QUỸ ....50
Điều 58. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập ....50
Điều 59. Các điều kiện tách quỹ ....50
Điều 60. Các điều kiện giải thể quỹ ....50
CHƯƠNG XIV. GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH ....51
Điều 61. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công ty Quản lý Quỹ và giữa Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ. ....51
CHƯƠNG XV. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ ....52
Điều 62. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư ....52
Điều 63. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ ....52
Điều 64. Đăng ký Điều lệ ....52
Điều 65. Điều khoản thi hành ....52
Phụ lục số 1:CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ....54
Phụ lục số 2:CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT ....56
Phụ lục số 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT ....57
Phụ lục số 4: PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH GIÁ CÁC TÀI SẢN TRONG DANH MỤC ĐẦU TƯ ....58
Phụ lục số 5: BIỂU PHÍ LƯU KÝ GIÁM SÁT VÀ PHÍ TRẢ CHO DỊCH VỤ ỦY QUYỀN ....61

# ĐIỀU LỆ QUỸ MỞ

## I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Khóa XIII, kỳ họp thứ 08 về Luật Doanh nghiệp.

2. Luật số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Khóa XI, kỳ họp thứ 9 về Luật chứng khoán.

3. Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Khóa XII, kỳ họp thứ 8 về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 70/2006/QH11.

4. Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20/01/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở.

5. Thông tư số 212/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ.

6. Các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan.

## II. CÁC ĐỊNH NGHĨA

| | |
|---|---|
| "Quỹ " | Là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bảo Việt *(BVBF)*, hoạt động theo cơ chế quỹ mở, thực hiện chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng, được thành lập theo quy định của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2007 *(sau đây gọi là Luật số 70)* và Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Chứng khoán có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2011 *(sau đây gọi là Luật số 62)*, các văn bản pháp luật có liên quan và Điều lệ Quỹ. |
| "Công ty Quản lý Quỹ" | Có nghĩa là Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt *(BVF)* được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 05/UBCK-GPHĐQLQ ban hành ngày 08/11/2005 và điều chỉnh bổ sung tại Quyết định số 10/UBCK-GPĐCQLQ ngày 14/12/2007, Quyết định số 38/GPĐC-UBCK ngày 18/06/2012, Quyết định số 08/GPĐC-UBCK ngày 22/4/2015, Quyết định số 27/GPĐC-UBCK ngày 22/9/2015 của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước *(UBCKNN)* hoặc bất kỳ công ty quản lý quỹ nào khác được lựa chọn thay thế. Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt được ủy thác để quản lý Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bảo Việt, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 33 của Điều lệ này và pháp luật có liên quan. |
| "Ngân hàng Giám sát" | Là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành *(sau đây gọi là Ngân hàng Giám sát)* hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần mười*(10)* ngày 20/05/2015do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp hoặc bất kỳ ngân hàng giám sát nào khác được lựa chọn thay thế, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 37 của Điều lệ này và pháp luật có liên quan. |
| "Đại lý chuyển nhượng" | Là tổ chức được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng cho Quỹ theo Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan. |
| "Công ty kiểm toán." | Là công ty kiểm toán độc lập cho Quỹ được Đại hội Nhà đầu tư *(hoặc Ban Đại diện Quỹ theo ủy quyền của Đại hội Nhà đầu tư)* quyết định hàng năm theo Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan. |
| "Đại lý phân phối" | Là các tổ chức thực hiện hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ cho Quỹ được nêu rõ tại Bản cáo bạch và đảm bảo các điều |

| | |
|---|---|
| | kiện đăng ký hoạt động đại lý phân phối chứng chỉ quỹ mở theo quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan. |
| "Điều lệ/Điều lệ Quỹ" | Là văn bản này và các Phụ lục đính kèm, các sửa đổi bổ sung hợp pháp *(nếu có)*, đã được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. |
| "Người có liên quan" | Là khái niệm "Người có liên quan" được quy định tại Khoản 34 Điều 6 Luật số 70 |
| "Bản cáo bạch" | Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và lưu hành Chứng chỉ quỹ của Quỹ và các Phụ lục đính kèm, các sửa đổi bổ sung hợp pháp *(nếu có)*, đã được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. |
| "Hợp đồng giám sát" | Là Hợp đồng được ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ. |
| "Nhà đầu tư" | Là pháp nhân trong nước, tổ chức nước ngoài, cá nhântrong nước và nước ngoài đầu tư vào Quỹ |
| "Đại hội Nhà đầu tư" | Là Đại hội của Nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ. |
| "Ban Đại diện Quỹ" | Là những người đại diện cho Nhà đầu tư được Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để thay mặt Nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát. |
| "Vốn Điều lệ" | Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp tại đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ Quỹ. |
| "Đơn vị Quỹ" | Là vốn Điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau. Mệnh giá đơn vị quỹ của đợt phát hành lần đầu là 10.000 đồng/đơn vị. Mỗi đơn vị quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ. |
| "Chứng chỉ Quỹ" | Là chứng khoán do Công ty Quản lý Quỹ đại diện cho Quỹ phát hành *(sau đây gọi là Chứng chỉ Quỹ)*, dưới dạng bút toán hoặc ghi sổ, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư đối với tài sản hoặc vốn của Quỹ theo tỷ lệ tương ứng với số đơn vị Quỹ của Nhà đầu tư đó đang sở hữu. |

| | |
|---|---|
| "Hạng mục đầu tư lớn của Quỹ" | Là hạng mục đầu tư vào các loại giấy tờ có giá và chứng khoán phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ năm phần trăm *(5%)* trở lên trên tổng giá trị tài sản của Quỹ trừ trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương. |
| "Giá bán/Giá phát hành" | Là mức giá Nhà đầu tư phải thanh toán để mua một đơn vị quỹ. Giá bán/Giá phát hành bằng mệnh giá *(trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng)* hoặc bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cộng thêm phí phát hành quy định tại Điều lệ Quỹ. |
| "Giá mua lại" | Là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà đầu tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trừ đi phí mua lại Chứng chỉ Quỹ quy định tại Điều lệ Quỹ. |
| "Phí quản lý quỹ" | Là phí phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ Quỹ. |
| "Phí phát hành/phí mua lại" | Là phí mà Nhà đầu tư phải trả khi mua/bán một đơn vị Chứng chỉ Quỹ. Phí phát hành/phí mua lại tính theo tỷ lệ phần trăm trên số tiền đăng ký mua/giá trị mua lại theo quy định tại Điều 19 của Điều lệ Quỹ. |
| "Cổ tức Quỹ" | Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội Nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư. |
| "Năm tài chính" | Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó. |
| "Giá trị tài sản ròng của Quỹ" | Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại ngày trước ngày định giá. |
| "Ngày" | Là ngày làm việc dương lịch, trừ các ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ, Tết theo quy định của pháp luật Việt Nam. |
| "Ngày định giá" | Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán và Điều lệ Quỹ. |
| "Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ" | Là ngày định giá mà Công ty Quản lý Quỹ, thay mặt Quỹ, phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ *(Ngày T)*. |
| "Thời điểm đóng sổ lệnh" | Là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch |

| | |
|---|---|
| | từ Nhà đầu tư để thực hiện giao dịch. |
| "Luật Chứng khoán" | Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 có hiệu lực thi hành từ 01/01/2007 và Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2011. |
| "UBCKNN" | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. |
| "Các định nghĩa khác" | Các định nghĩa khác *(nếu có)* sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan. |

Các thuật ngữ được sử dụng trong Điều lệ này, áp dụng cho cả dạng số ít và số nhiều của thuật ngữ đó. Các thuật ngữ khác nếu không được định nghĩa trong Điều lệ này sẽ được hiểu như Bản cáo bạch, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

Các dẫn chiếu trong Điều lệ này tới các Phụ lục, Điều và đoạn *(trừ khi được quy định khác)* là các Phụ lục, Điều,Khoản của Điều lệ này.

Khi sử dụng các cụm từ "của Điều lệ này" "theo Điều lệ này" "trong Điều lệ này" và các từ tương tự khác khi sử dụng trong Điều lệ này sẽ đề cập đến toàn bộ Điều lệ và không phải là đề cập tới bất kỳ điều khoản riêng lẻ nào của Điều lệ này.

Dẫn chiếu tới bất kỳ văn kiện hoặc thỏa thuận nào có nghĩa là văn kiện hoặc thỏa thuận đó được sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung tại từng thời điểm theo các điều khoản của văn kiện hoặc thỏa thuận đó và có hiệu lực tại bất kỳ thời điểm nào.

Dẫn chiếu đến bất kỳ văn bản pháp luật nào sẽ được hiểu là dẫn chiếu đến văn bản pháp luật như được ban hành lại, đặt tên lại, sửa đổi hoặc gia hạn tại từng thời điểm.

Dẫn chiếu tới bất kỳ tổ chức, cá nhân nào sẽ được hiểu là dẫn chiếu đến bất kỳ bên kế nhiệm hoặc bên được chuyển nhượng hoặc bên được chuyển giao được phép của tổ chức, cá nhân đó, trừ trường hợp không được phép theo quy định của Điều lệ này.

# CHƯƠNG I. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

## Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ

- Tên Quỹ đầu tư : **Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bảo Việt**
- Loại hình quỹ: Quỹ mở
- Tên giao dịch:
  - Bằng tiếng Việt: Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bảo Việt
  - Bằng tiếng Anh: Bao Viet Bond Open-Ended Fund
  - Tên viết tắt: BVBF
- Địa chỉ liên hệ: Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt

  Tầng 5, Toà nhà Bảo Việt, số 8 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

## Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ

Không giới hạn. Thay đổi về thời hạn hoạt động của Quỹ sẽ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư.

## Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

1. Quỹ hoạt động và chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006, Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24/11/2010, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật và Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 và Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20/01/2016 của Bộ Tài chính, hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các quy định trong Điều lệ Quỹ này.
2. Cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ là Đại hội Nhà đầu tư.
3. Ban Đại diện Quỹ do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát đồng thời thực thi các quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ này và quy định của pháp luật.
4. Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt được Đại hội Nhà đầu tư chỉ định để quản lý hoạt động của Quỹ phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch và các văn bản khác có liên quan.
5. Ngân hàng Giám sát cung cấp dịch vụ giám sát hoạt động của Quỹ, do Công ty Quản lý Quỹ đề xuất và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.

## Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng chỉ Quỹ chào bán

1. Vốn Điều lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ là Bảy mươi sáu tỷ tám trăm năm mươi sáu triệu *(76.856.000.000)* đồng. Số vốn này được chia thành nhiều đơn vị quỹ với mệnh giá của mỗi đơn vị quỹ là mười nghìn *(10.000)* đồng.
2. Tiền mua Chứng chỉ Quỹ được chuyển vào Tài khoản tiền của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát.
3. Số lượng đơn vị quỹ được phép lưu hành tối đa: Không giới hạn.

## Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ

Đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng.

## Điều 6. Công ty Quản lý Quỹ

- Tên công ty:
  - Tên bằng tiếng Việt: Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt
  - Tên bằng tiếng Anh: Bao Viet Fund Management Co Ltd.
  - Tên viết tắt: BVF
- Giấy phép thành lập và hoạt động: Số 05/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 08/11/2005 và điều chỉnh bổ sung tại Quyết định số 10/UBCK-GPĐCQLQ ngày 14/12/2007, Quyết định số 38/GPĐC-UBCK ngày 18/06/2012, Quyết định số 08/GPĐC-UBCK ngày 22/4/2015, Quyết định số 27/GPĐC-UBCK ngày 22/9/2015
- Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà Bảo Việt, số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 3 928 9589
- Fax: (84-4) 3 928 9590
- Địa chỉ VPĐD: Lầu 4, 233 Đồng Khởi, Quận 1, TP.HCM
- Vốn Điều lệ: 100 tỷ đồng

## Điều 7. Ngân hàng Giám sát

- Tên ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành

- Giấy phép hoạt động: Số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần mười (10) ngày 20/05/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Giấy phép hoạt động lưu ký: Số 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do UBCKNN cấp
- Trụ sở đăng ký: 74 Thợ Nhuộm, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: (844) 39411840
- Fax: (844) 39411847

# CHƯƠNG II. CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

## Điều 8. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tối ưu hóa lợi nhuận cho Nhà đầu tư trên cơ sở tận dụng hiệu quả các cơ hội đầu tư lãi suất cố định.

## Điều 9. Chiến lược đầu tư

1. Hoạt động đầu tư của Quỹ được thực hiện theo nguyên tắc thận trọng, tập trung khai thác các yếu tố mang tính nền tảng, dài hạn của nền kinh tế, thị trường lãi suất cố định cũng như doanh nghiệp. Danh mục đầu tư của Quỹ sẽ được cấu trúc theo hướng đa dạng hóa, kết hợp giữa các tài sản có mức độ rủi ro từ thấp đến cao theo tỷ lệ phù hợp để đạt được mục tiêu đầu tư. Bên cạnh đó, trong quá trình đầu tư, ngoài việc bám sát mục tiêu dài hạn, Công ty Quản lý Quỹ cũng sẽ linh hoạt tận dụng các cơ hội thị trường để gia tăng giá trị cho Quỹ.

2. Tài sản đầu tư của Quỹ bao gồm:

   a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;

   b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;

   c) Trái phiếu Chính phủ; trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;

   d) Trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;

   e) Trái phiếu chuẩn bị niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;

      *Lưu ý: Việc đầu tư vào các tài sản tại Điểm e nói trên phải được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện đồng thời phải có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch.*

   f) Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro;

   g) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

3. Cơ cấu tài sản mục tiêu của Quỹ như sau:

| Tài sản | Tỷ trọng (*) | Ghi chú |
|---|---|---|
| Trái phiếu các loại | 51 – 100% | *Cơ cấu tài sản mang tính định hướng. Tùy thuộc vào tình hình thị trường, Công ty Quản lý Quỹ sẽ thay đổi cơ cấu tài sản của danh mục đầu tư để đảm bảo đạt được mục tiêu đầu tư của Quỹ.* |
| Các tài sản được phép đầu tư khác | 0 – 49% | |

*(*) Tính trên tổng giá trị tài sản của Quỹ.*

4. Công ty Quản lý Quỹ chủ động quyết định cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ căn cứ điều kiện thị trường và các cơ hội đầu tư, đảm bảo mục tiêu đầu tư, hạn chế đầu tư và các quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ Quỹ. Quỹ được phép đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề không bị cấm theo quy định của pháp luật.

## Điều 10. Hạn chế đầu tư

1. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo các hạn chế đâu tư dưới đây:

   a) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm *(30%)* tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản theo quy định tại Điểm a, b, d, e, f, Khoản 2, Điều 9 tại Điều lệ này được phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh là giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định của pháp luật liên quan;

   b) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm *(20%)* tổng giá trị tài sản Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi trừ trái phiếu Chính phủ;

   c) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm *(10%)* tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu Chính phủ;

   d) Không được đầu tư quá mười phần trăm *(10%)* tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản theo quy định tại Điểm e, Khoản 2, Điều 9 tại Điều lệ này;

   e) Tổng giá trị các khoản đầu tư vào tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định khác chiếm từ tám mươi phần trăm *(80%)* giá trị tài sản ròng của Quỹ trở lên.

   f) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;

g) Không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;

h) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;

2. Trừ trường hợp quy định tại Điểm f, g, h Khoản 1, Điều này, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế đầu tư tại Khoản 1, Điều này nhưng chỉ do các nguyên nhân khách quan sau:

a) Do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;

b) Do phải thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;

c) Do thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư.

d) Do hoạt động hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;

e) Do quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu *(06)* tháng, tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ;

f) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

3. Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng các hạn chế đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều này trong thời hạn ba *(03)* tháng kể từ ngày sai lệch phát sinh.

4. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm *(15)* ngày, kể từ ngày sai lệch phát sinh. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất *(nếu phát sinh)*. Nếu phát sinh lợi nhuận thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

5. Các hạn chế đầu tư quy định tại Khoản 1, Điều này sẽ được tự động điều chỉnh, bổ sung theo quy định pháp luật mà không cần phải lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư.

## Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định tại Điều 9 Điều lệ này.

2. Công ty Quản lý Quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch chứng chỉ quỹ với Nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ, không bao gồm các khoản tạm ứng, các khoản phải trả, không được quá năm phần trăm *(5%)* giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi *(30)* ngày.

3. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký Quỹ *(vay mua chứng khoán)* cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.

4. Quỹ được thực hiện giao dịch mua bán lại *(repo)* Trái phiếu Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch Trái phiếu Chính phủ.

## Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư

1. Phương pháp lựa chọn đầu tư với tài sản là Tiền gửi, Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng:

   Công ty Quản lý Quỹ sẽ trình danh sách và hạn mức đầu tư *(nếu có)* tại các ngân hàng thương mại và tổ chức có uy tín để Ban Đại diện Quỹ xem xét và phê duyệt nguyên tắc thực hiện hoạt động đầu tư đối với Tiền gửi, Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng cho Quỹ.

2. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với tài sản là Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương:

   Căn cứ nhận định về xu hướng vận động của cấu trúc kỳ hạn của lãi suất trái phiếu, Công ty quản lý Quỹ sẽ lựa chọn các trái phiếu để đầu tư với các tiêu chí ưu tiên như kỳ hạn còn lại của trái phiếu và tính thanh khoản.

3. Phương pháp lựa chọn đầu tư với tài sản là trái phiếu doanh nghiệp:

   Việc lựa chọn trái phiếu doanh nghiệp sẽ được tiến hành theo phương pháp "Bottom Up Approach" thông qua việc đánh giá những yếu tố cơ bản của doanh nghiệp như tiềm năng phát triển của ngành, nghề, lĩnh vực hoạt động; vị trí, lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp trong ngành, nghề, lĩnh vực hoạt động; tốc độ tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận; cơ cấu tài sản, nguồn vốn; uy tín trong hoạt động tín dụng...

# CHƯƠNG III. NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

## Điều 13. Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư của Quỹ bao gồm pháp nhân trong nước, tổ chức nước ngoài, cá nhân trong và ngoài nước. Nhà đầu tư nước ngoài phải tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động của Nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán khi đầu tư vào Quỹ.

2. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu.

3. Nhà đầu tư là pháp nhân trong nước, tổ chức nước ngoài cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số lượng Chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản theoquy định pháp luật có liên quan.

## Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư có quyền:

   a) Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của Quỹ tương ứng với số lượng Chứng chỉ Quỹ nắm giữ;

   b) Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản Quỹ;

   c) Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ thay mặt Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ *(nếu có)*;

   d) Thực hiện quyền của mình thông qua Đại hội Nhà đầu tư;

   e) Các quyền khác theo quy định pháp luật và tại Điều lệ này.

2. Nhà đầu tư có các nghĩa vụ sau đây:

   a) Chấp hành quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;

   b) Thanh toán đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua Chứng chỉ Quỹ;

   c) Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và tại Điều lệ này.

## Điều 15. Sổ đăng ký Nhà đầu tư

1. Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan lập sổ đăng ký Nhà đầu tư chính *(sổ chính)* và đại lý ký danh lập, quản lý sổ phụ và xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư.

2. Sổ chính, sổ phụ phải có các thông tin sau:

   a) Đối với cá nhân: Họ và tên của Nhà đầu tư; số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực; Địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email *(nếu có)*;

   b) Đối với tổ chức: tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính, số giấy phép thành lập và hoạt động/giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; họ và tên, số Chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email của cá nhân được tổ chức ủy quyền giao dịch Chứng chỉ Quỹ;

   c) Số tài khoản; hoặc Số tiểu khoản kèm theo Số tài khoản ký danh; Mã số đăng ký giao dịch chứng khoán (đối với Nhà đầu tư nước ngoài);

   d) Số lượng đơn vị quỹ sở hữu; ngày đăng ký sở hữu *(vào Sổ chính)*.

3. Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà đầu tư, kể cả Nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh *(trừ Nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh nước ngoài)*. Thông tin về tài sản của Nhà đầu tư trên Sổ chính, kể cả Nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh, là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư. Quyền sở hữu của Nhà đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà đầu tư được cập nhật tại Sổ chính.

## Điều 16. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ

1. Nguyên tắc chung:

   a) Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư. Hoạt động giao dịch Chứng chỉ Quỹ phải được tổ chức định kỳ.

   b) Tần suất giao dịch Chứng chỉ Quỹ không ít hơn hai *(02)* lần trong một tháng. Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ *(Ngày T)* và quy định cụ thể tại Bản Cáo bạch.

   c) Thời điểm đóng sổ lệnh là mười bốn giờ bốn mươi lăm phút *(14h45)* tại ngày T – 1. Các lệnh nhận được sau thời điểm đóng sổ lệnh sẽ bị hủy.

      *Lưu ý: Trường hợp ngày T – 1 là ngày nghỉ, lễ theo quy định của pháp luật, thời điểm đóng sổ lệnh sẽ được dời sang mười bốn giờ bốn mươi lăm phút (14h45) của ngày làm việc gần nhất trước đó.*

   d) Nhà đầu tư chỉ thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ tại các Đại lý phân phối theo danh sách tại Bản cáo bạch.

      *Lưu ý: Ở thời điểm hiện tại, Chứng chỉ Quỹ chưa được phân phối thông qua hình thức Đại lý phân phối ký danh (Đại lý ký danh). Căn cứ nhu cầu của Nhà đầu tư và khả năng của các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Công ty Quản lý Quỹ sẽ triển khai việc phân phối Chứng chỉ Quỹ thông qua Đại lý ký danh và công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng trước khi triển khai theo quy định của pháp luật.*

e) Đối với Nhà đầu tư lần đầu giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Đại lý phân phối phải tổng hợp thông tin nhận biết Nhà đầu tư, người được hưởng lợi *(nếu có)* và gửi yêu cầu cho Đại lý chuyển nhượng mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư trên cơ sở Giấy đề nghị đăng ký giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo mẫu quy định tại Bản cáo bạch. Nhà đầu tư có quyền lựa chọn các loại tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau:

*i.* Tài khoản của chính mình, đứng tên chủ sở hữu là Nhà đầu tư *(gọi tắt là tài khoản của Nhà đầu tư)*;

*ii.* Tiểu khoản giao dịch trên tài khoản đứng tên của đại lý ký danh *(gọi tắt là tiểu khoản của Nhà đầu tư)*.

*Lưu ý: Nhà đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng cần mở tài khoản "Vốn gián tiếp" (FII) phải tuân thủ quy định về quản lý ngoại hối trong việc giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Khi tiến hành thủ tục mở tài khoản tại Đại lý phân phối, Nhà đầu tư nước ngoài đăng ký tài khoản FII là tài khoản nhận các khoản thanh toán từ hoạt động giao dịch Chứng chỉ quỹ và cung cấp tài liệu xác nhận tài khoản FII đã được mở tại ngân hàng thương mại cho Đại lý phân phối.*

f) Nhà đầu tư có thể ủy quyền cho bên thứ ba thực hiện đặt lệnh giao dịch Chứng chỉ Quỹ *(mua/bán/chuyển đổi/sửa/hủy lệnh)* trên tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư. Việc ủy quyền của Nhà đầu tư phải được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

g) Lệnh mua Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư phải đáp ứng về giá trị tối thiểu đối với một lệnh mua được quy định tại Bản Cáo bạch. Lệnh bán hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư phải đáp ứng về số lượng Chứng chỉ Quỹ tối thiểu đối với một lệnh bán hoặc chuyển đổi được quy định tại Bản Cáo bạch.

h) Trường hợp số lượng Chứng chỉ Quỹ trên tài khoản giao dịch của Nhà đầu tư thấp hơn năm *(05)* Chứng chỉ Quỹ *(số lượng Chứng chỉ Quỹ duy trì tối thiểu)*, toàn bộ số lượng Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư sẽ được tự động bán vào Ngày giao dịch tiếp theo.

i) Đại lý phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của Nhà đầu tư khi Nhà đầu tư đã điền đầy đủ các thông tin vào Giấy đề nghị giao dịch Chứng chỉ Quỹ *(Phiếu lệnh)* theo mẫu quy định tại Bản Cáo bạch. Phiếu lệnh phải được Đại lý phân phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán đồng thời phải ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ Nhà đầu tư. Trường hợp nhận lệnh giao dịch của Nhà đầu tư qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác, Đại lý phân phối phải tuân thủ các quy định pháp luật về giao dịch điện tử và lưu giữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử.

j) Tài khoản giao dịch Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư sẽ được đóng trong các trường hợp sau:

*i.* Nhà đầu tư yêu cầu đóng và tài khoản giao dịch không còn Chứng chỉ Quỹ;

*ii.* Tài khoản giao dịch được tự động đóng khi không có số dư liên tục trong vòng một

*(01)* năm;

*iii.* Nhà đầu tư yêu cầu thay đổi thông tin tài khoản theo đó chuyển toàn bộ số lượng Chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu từ tài khoản giao dịch mở tại Đại lý phân phối này sang tài khoản giao dịch mở tại Đại lý phân phối khác;

2. Giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ:

a) Trường hợp giao dịch trên tài khoản của Nhà đầu tư, Nhà đầu tư trực tiếp hoặc gián tiếp thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản tiền của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát theo quy định của pháp luật có liên quan dưới các hình thức sau:

*i.* Chuyển khoản;

*ii.* Nộp tiền tại ngân hàng giám sát hoặc thông qua ngân hàng trung gian;

*iii.* Các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật theo hướng dẫn tại Bản cáo bạch*(nếu có)*;

Trường hợp giao dịch trên tiểu khoản của Nhà đầu tư, Nhà đầu tư nộp tiền theo hướng dẫn của Đại lý ký danh.

*Lưu ý: Phí chuyển tiền và thuế phát sinh (nếu có) do Nhà đầu tư tự thanh toán.*

b) Nhà đầu tư điền đầy đủ các thông tin vào Phiếu lệnh và chuyển tới Đại lý phân phối hoặc điền thông tin trên hệ thống nhận lệnh trực tuyến của Đại lý phân phối để xử lý. Lệnh mua được gửi kèm tài liệu hợp lệ xác nhận việc Nhà đầu tư đã hoàn tất việc thanh toán vào tài khoản của Quỹ hoặc được Ngân hàng Giám sát xác nhận đã nhận được đầy đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư. Đối với Đại lý ký danh, việc thanh toán vào tài khoản của Quỹ được thực hiện trên cơ sở giá trị chênh lệch giữa lệnh mua và lệnh bán, thời hạn thanh toán thực hiện theo quy định tại hợp đồng giữa Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý ký danh.

c) Số lượng Chứng chỉ Quỹ bán cho Nhà đầu tư được xác định theo công thức:

$$S = \frac{M * (1 - \text{Phí phát hành (\%)})}{V}$$

*Trong đó:*

*S: Số lượng Chứng chỉ Quỹ bán cho Nhà đầu tư;*

*M: Giá trị đặt mua Chứng chỉ Quỹ hợp lệ;*

*V: Giá trị tài sản ròng trên 01 (một) Chứng chỉ Quỹ tại Ngày giao dịch.*

d) Số lượng Chứng chỉ Quỹ bán cho Nhà đầu tư có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

e) Trong thời hạn ba *(03)* ngày kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Đại lý phân phối gửi Nhà đầu tư bản xác nhận giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

3. Giao dịch bán Chứng chỉ Quỹ:

a) Nhà đầu tư điền đầy đủ các thông tin vào Phiếu lệnh và chuyển tới Đại lý phân phối để xử lýhoặc điền thông tin trên hệ thống nhận lệnh trực tuyến của Đại lý phân phối. Lệnh bán chỉ được thực hiện khi Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan bảo đảm Nhà đầu tư có đủ số lượng Chứng chỉ Quỹ để bán theo yêu cầu.

b) Lệnh bán có thể không thực hiện, hoặc chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Điều 17 Điều lệ Quỹ này.

c) Số lượng Chứng chỉ Quỹ đối với một lệnh bán có thể có số lẻ ở dạng thập phân tới số hạng thứ hai *(02)* sau dấu phẩy.

d) Giá trị thanh toán cho Nhà đầu tư khi bán Chứng chỉ Quỹ được xác định theo công thức:

**T = R x V x (1 – Phí mua lại (%)) – Thuế, phí phát sinh *(nếu có)***

*Trong đó:*

*T: Giá trị thanh toán cho Nhà đầu tư;*

*R: Số lượng Chứng chỉ Quỹ đã bán thành công;*

*V: Giá trị tài sản ròng trên một(01) Chứng chỉ Quỹ tại ngày giao dịch.*

e) Trong thời hạn ba*(03)* ngày kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Đại lý phân phối gửi Nhà đầu tư bản xác nhận giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

f) Việc thanh toán được thực hiện dưới hình thức chuyển khoản vào tài khoản đứng tên Nhà đầu tư đã được đăng ký hoặc các hình thức khác theo yêu cầu bằng văn bản của Nhà đầu tư.

*Lưu ý: Các chi phí và thuế phát sinh (nếu có) trong quá trình chuyển tiền cho Nhà đầu tư từ tài khoản của Quỹ sẽ được khấu trừ vào Giá trị thanh toán cho Nhà đầu tư.*

g) Thời hạn thanh toán là năm *(05)* ngày, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Trong trường hợp quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 17 Điều lệ này và sau khi được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản, việc thanh toán có thể chậm hơn nhưng không quá ba mươi *(30)* ngày, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

h) Công ty Quản lý Quỹ được chuyển giao một phần danh mục đầu tư thay cho việc thanh toán bằng tiền cho Nhà đầu tư. Việc chuyển giao danh mục đầu tư phải đáp ứng các điều kiện sau:

*i.* Chỉ thực hiện khi Công ty Quản lý Quỹ xét thấy là cần thiết để không ảnh hưởng tiêu cực tới giá trị tài sản ròng của Quỹ. Việc thực hiện phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại diện và phải báo cáo Đại hội Nhà đầu tư gần nhất;

*ii.* Được Nhà đầu tư *(bên nhận chuyển giao)* chấp thuận bằng văn bản;

*iii.* Chỉ thực hiện đối với lệnh bán có tổng giá trị thanh toán vượt quá năm mươi*(50)* tỷ đồng;

*iv.* Cơ cấu danh mục chuyển giao cho Nhà đầu tư phải hoàn toàn giống cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ, bảo đảm sự phù hợp về loại tài sản, cơ cấu và tỷ trọng tài sản có trong danh mục đầu tư của Quỹ;

*v.* Thủ tục và thời gian chuyển giao tài sản cho Nhà đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

i) Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận đảm bảo việc chuyển giao danh mục đầu tư phù hợp với quy định tại điểm (h) nói trên.

4. Giao dịch chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ:

a) Nhà đầu tư có thể chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ số lượng Chứng chỉ Quỹ thuộc sở hữu sang chứng chỉ của quỹ mở khác do Công ty Quản lý Quỹ quản lý;

b) Lệnh chuyển đổi được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

*i.* Lệnh bán đối với chứng chỉ quỹ bị bán được thực hiện trước, sau đó mới thực hiện lệnh mua chứng chỉ của quỹ mục tiêu;

*ii.* Các lệnh được thực hiện tại các ngày giao dịch chứng chỉ của các quỹ tương ứng;

*iii.* Nhà đầu tư chỉ phải thanh toán phí chuyển đổi, không phải thanh toán phí mua, phí bán đối với các lệnh giao dịch nói trên.

*Lưu ý:*

- *Phí chuyển tiền, thuế giao dịch phát sinh trong quá trình chuyển đổi (nếu có) sẽ được khấu trừ vào số tiền thu được từ lệnh bán trong giao dịch chuyển đổi;*

- *Thời gian nắm giữ chứng chỉ quỹ mục tiêu sẽ được tính từ ngày lệnh chuyển đổi được thực hiện;*

5. Hủy lệnh giao dịch:

a) Nhà đầu tư chỉ được phép hủy lệnh giao dịch trước thời điểm đóng sổ lệnh.

b) Ngoài ra, việc hủy lệnh giao dịch của Nhà đầu tư sẽ được thực hiện sau thời điểm đóng sổ lệnh trong các trường hợp sau:

*i.* Lệnh nhận được sau thời điểm đóng sổ lệnh;

*ii.* Tiền mua Chứng chỉ Quỹ chưa có tại tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát trong ngày T – 1 *(giao dịch qua Đại lý phân phối);*

*iii.* Tiền mua Chứng chỉ Quỹ được chuyển vào tài khoản tiền của Quỹ không theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều này;

*iv.* Tiền mua Chứng chỉ Quỹ nhận được thấp hơn giá trị đã đăng ký tại lệnh mua và Đại lý phân phối không thực hiện các thủ tục điều chỉnh trước thời gian quy định của Đại lý chuyển nhượng.

v. Đại lý phân phối không nhập lệnh vào hệ thống của Đại lý chuyển nhượng theo đúng quy định của Đại lý chuyển nhượng. Trong trường hợp này, Đại lý phân phối có trách nhiệm thống nhất với Nhà đầu tư về phương án xử lý.

6. Hoàn trả tiền:

a) Trường hợp tiền mua Chứng chỉ Quỹ nhận được cao hơn giá trị đã đăng ký tại Phiếu đăng ký mua, lệnh mua sẽ được thực hiện với giá trị đã đăng ký tại Phiếu đăng ký mua và phần tiền còn thừa sẽ được hoàn trả vào tài khoản đã đăng ký của Nhà đầu tư sau khi trừ đi các chi phí chuyển tiền phát sinh *(nếu có)*.

b) Trường hợp hủy, sửa lệnh giao dịch, phần tiền không thực hiện lệnh sẽ được hoàn trả vào tài khoản đã đăng ký của Nhà đầu tư sau khi trừ đi các chi phí chuyển tiền phát sinh *(nếu có)*trừ trường hợp quy định tại Điểm c dưới đây.

c) Trường hợp tiền mua Chứng chỉ Quỹ nhận được không xác định được lệnh đăng ký mua đi kèm hoặc thông tin Nhà đầu tư tại nội dung chuyển tiền không khớp với thông tin Nhà đầu tư trên tài khoản giao dịch, các khoản tiền này sẽ được chuyển trả về ngân hàng đã chuyển tiền để hoàn trả cho đối tượng chuyển tiền sau khi trừ đi các chi phí phát sinh *(nếu có)*.

d) Thời hạn hoàn trả đối với tất cả các trường hợp nói trên là trong vòng năm *(05)* ngày kể từ Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

7. Chương trình đầu tư định kỳ:

a) Nhà đầu tư có thể thực hiện mua Chứng chỉ Quỹ theo Chương trình đầu tư định kỳ theo đó Nhà đầu tư cam kết và thực hiện mua Chứng chỉ Quỹ với một số tiền tối thiểu định kỳ hàng tháng hoặc hàng quý trong một khoảng thời gian đăng ký với Công ty Quản lý Quỹ;

b) Thông tin về Chương trình đầu tư định kỳ sẽ được quy định cụ thể tại Bản Cáo bạch;

## Điều 17. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán của Nhà đầu tư một trong các trường hợp sau:

a) Tổng giá trị các lệnh bán trừ tổng giá trị các lệnh mua *(kể cả các lệnh mua, bán từ hoạt động chuyển đổi)* tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ lớn hơn mười phần trăm *(10%)* giá trị tài sản ròng của Quỹ; hoặc

b) Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của Nhà đầu tư dẫn tới giá trị tài sản ròng của Quỹ xuống dưới năm mươi (50) tỷ đồng.

2. Trường hợp lệnh bán được thực hiện một phần theo quy định tại Khoản 1 nói trên, Công ty Quản lý Quỹ áp dụng nguyên tắc mua lại theo cùng một tỷ lệ theo đó tất cả các lệnh bán được ghép cùng nhau để thực hiện, đảm bảo tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch là như nhau. Phần còn lại của các lệnh bán chưa được thực hiện hết

sẽ tự động bị hủy bỏ. Trường hợp vẫn có nhu cầu bán, Nhà đầu tư tiếp tục đặt lệnh tại Ngày giao dịch kế tiếp hoặc lệnh bán sẽ được tự động thực hiện tại Ngày giao dịch kế tiếp trong trường hợp số lượng Chứng chỉ Quỹ còn lại thấp hơn số lượng Chứng chỉ Quỹ duy trì tối thiểu tại tài khoản.

Công thức tính tỷ lệ như sau:

i. Đối với trường hợp quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều này, việc phân bổ lệnh bán cho Nhà đầu tư được thực hiện theo tỷ lệ như sau:

$$\text{Tỷ lệ} = \frac{\text{10\% x NAV + Tổng giá trị lệnh mua ròng (*)}}{\text{Tổng giá trị lệnh bán}}$$

ii. Đối với trường hợp quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều này, việc phân bổ lệnh bán cho nhà đầu tư được thực hiện theo tỷ lệ như sau:

$$\text{Tỷ lệ} = \frac{\text{NAV + Tổng giá trị lệnh mua ròng (*) – 50 tỷ đồng}}{\text{Tổng giá trị lệnh bán}}$$

*(*) Tổng giá trị lệnh mua ròng = Tổng giá trị đặt mua CCQ hợp lệ – Tổng phí phát hành*

3. Đối với trường hợp quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều này, Công ty Quản lý Quỹ được phép đề xuất Ban Đại diện Quỹ duyệt kéo dài thời hạn thanh toán, nhưng không vượt quá ba mươi*(30)* ngày, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

4. Chứng chỉ Quỹ mở có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

   a) Công ty Quản lý Quỹ không thể thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ mở theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;

   b) Công ty Quản lý Quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ mở vào ngày định giá mua lại Chứng chỉ Quỹ mở do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;

   c) Các sự kiện khác do Điều lệ quỹ quy định hoặc UBCKNN xét thấy là cần thiết.

5. Công ty Quản lý Quỹ phải báo cáo Ban Đại diện Quỹ, UBCKNN trong thời hạn hai mươi bốn *(24)* giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại Khoản 4 nêu trên và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ mở ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.

6. Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều lệ quỹ, nhưng không được kéo dài quá chín mươi*(90)* ngày, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ gần nhất.

7. Trong thời hạn ba mươi *(30)* ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo quy định tại Khoản 6 nêu trên, Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

8. Trong thời hạn triệu tập Đại hội Nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ chấm dứt, Công ty Quản lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội Nhà đầu tư.

## Điều 18. Chuyển nhượng phi thương mại

1. Thừa kế Chứng chỉ Quỹ

   a) Việc thừa kế Chứng chỉ Quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.

   b) Công ty Quản lý Quỹ sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong sổ đăng ký Nhà đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế.

2. Cho tặng Chứng chỉ Quỹ

   a) Bên được cho, tặng phải cung cấp các giấy tờ và làm các thủ tục cần thiết để mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

   b) Bên cho tặng nộp đơn đề nghị cho tặng tại Đại lý phân phối.

   c) Số lượng Chứng chỉ Quỹ cho tặng không thấp hơn số lượng Chứng chỉ Quỹ tối thiểu đối với một lệnh bán Chứng chỉ Quỹ trừ trường hợp cho tặng toàn bộ số lượng Chứng chỉ Quỹ trên tài khoản.

3. Việc giao dịch, duy trì tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau khi chuyển nhượng phi thương mại được thực hiện tương tự quy định tại Điều 16, Điều 17 của Điều lệ này.

## Điều 19. Giá bán, giá mua lại, Phí giao dịch Chứng chỉ Quỹ

1. Giá phát hành lần đầu: Mười nghìn *(10.000)* đồng/Chứng chỉ Quỹ.

2. Giá bán *(Giá phát hành)* một Chứng chỉ Quỹ được xác định bằng Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ tính tại Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ cộng với Phí phát hành.

3. Giá mua lại một Chứng chỉ Quỹ được xác định bằng Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ tính tại Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ trừ đi Phí mua lại.

4. Phí phát hành Chứng chỉ Quỹ được quy định như sau:

   a) Đối với đợt phát hành lần đầu: Không tính phí.

   b) Đối với các đợt phát hành tiếp theo: Tối đa 1,0%. Mức phí cụ thể sẽ được công bố tại Bản Cáo bạch của Quỹ.

5. Phí mua lại Chứng chỉ Quỹ được quy định như sau: Tối đa 1,0%. Mức phí cụ thể sẽ được công bố tại Bản Cáo bạch của Quỹ

*Lưu ý: Trong trường hợp số lượng Chứng chỉ Quỹ đặt bán có các thời điểm nắm giữ khác nhau, Quỹ áp dụng nguyên tắc mua trước bán trước có nghĩa là các Chứng chỉ Quỹ có thời gian nắm giữ dài hơn sẽ được ưu tiên, kế đến là các Chứng chỉ Quỹ có thời gian nắm giữ ngắn hơn.*

6. Phí chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ: Tối đa 1,0%. Mức phí cụ thể sẽ được công bố tại Bản Cáo bạch của Quỹ.

7. Phí phát hành Chứng chỉ Quỹ theo Chương trình đầu tư định kỳ: Tối đa 1,0%. Mức phí cụ thể sẽ được công bố tại Bản Cáo bạch của Quỹ.

8. Đối với các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại, Nhà đầu tư chỉ thanh toán các chi phí và thuế phát sinh theo đúng quy định của pháp luật.

# CHƯƠNG IV. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

## Điều 20. Đại hội Nhà đầu tư

1. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà đầu tư có tên trong danh sách đăng ký Nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự. Trường hợp tổ chức Đại hội Nhà đầu tư lần đầu ngay sau khi Quỹ được thành lập, Nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ tại đợt chào bán Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng theo danh sách tại hồ sơ lập quỹ gửi UBCKNN có quyền tham dự Đại hội.

2. Đại hội Nhà đầu tư hàng năm được tổ chức trong vòng ba mươi *(30)* ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. Việc họp đại hội Nhà đầu tư thường niên hoặc bất thường có thể được tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản nếu có sự đồng ý của Ban đại diện Quỹ và không liên quan đến một trong những vấn đề sau: thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của Quỹ; Tăng mức phí trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát; thay đổi Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát; sáp nhập Quỹ, hợp nhất Quỹ.

3. Đại hội Nhà đầu tư bất thường được triệu tập trong các trường hợp sau:

   a) Công ty Quản lý Quỹ, hoặc Ngân hàng Giám sát, hoặc Ban Đại diện Quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;

   b) Theo yêu cầu của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất mười phần trăm*(10%)* tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành trong vòng ít nhất sáu *(06)* tháng liên tục tính tới thời điểm triệu tập Đại hội;

   c) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.

4. Việc tổ chức họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 3 Điều này phải được thực hiện trong vòng ba mươi *(30)* ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của việc triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư.

## Điều 21. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội Nhà đầu tư

Quyền và nhiệm vụ của Đại hội Nhà đầu tư bao gồm

1. Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ, Hợp đồng giám sát; phương án phân phối lợi nhuận;

2. Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của Quỹ; Tăng mức phí trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát; Thay đổi Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát;

3. Sáp nhập Quỹ, hợp nhất Quỹ ;

4. Tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ; tách Quỹ;

5. Giải thể Quỹ;

6. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên Ban Đại diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ; thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ;

7. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều 85 Luật Chứng khoán, quy định pháp luật về doanh nghiệp và tại Điều lệ Quỹ.

## Điều 22. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội Nhà đầu tư

1. Thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của đại hội Nhà đầu tư phải được thông báo công khai cho Nhà đầu tư và báo cáo Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước tối thiểu ít nhất mười lăm *(15)* ngày trước khi tiến hành Đại hội.

2. Nhà đầu tư có thể trực tiếp tham dự đại hội Nhà đầu tư hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc các hình thức khác.

3. Cuộc họp đại hội Nhà đầu tư được tiến hành khi có số Nhà đầu tư tham dự đại diện cho ít nhất năm mươi mốt phần trăm *(51%)* tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành.

4. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 3 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi *(30)* ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, đại hội Nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà đầu tư tham dự.

5. Thể thức, hình thức họp Đại hội Nhà đầu tư.

   a) Thể thức, hình thức họp Đại hội Nhà đầu tư do Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với các quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ Quỹ.

   b) Đại hội Nhà đầu tư có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung, họp trực tuyến *(bao gồm họp tại một địa điểm hoặc từ hai địa điểm trở lên thông qua sự kết nối của các phương tiện, thiết bị truyền thông điện tử)* hoặc không tập trung bằng cách lấy ý kiến bằng văn bản tới Nhà đầu tư.

   c) Đại hội Nhà đầu tư sẽ do Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ chủ trì, nếu Chủ tịch vắng mặt thì bất kỳ người nào khác do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra sẽ chủ trì.

   d) Tất cả các cuộc họp của Đại hội Nhà đầu tư phải được lập thành biên bản và bản gốc lưu trữ ở trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ.

   e) Trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản từ các Nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền của Ban Đại diện Quỹ phải thực hiện các công việc sau:

      *i.* Phát hành Phiếu hỏi ý kiến gồm các nội dung chính như lý do, lựa chọn biểu quyết, thời hạn cuối cùng gửi lại.

      *ii.* Gửi Phiếu hỏi ý kiến cùng các tài liệu liên quan tới tất cả các Nhà đầu tư hợp lệ và

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tối thiểu trước mười lăm *(15)* ngày trước thời hạn cuối cùng gửi ý kiến.

*iii.* Lập Ban kiểm phiếu trong đó có đại diện của Ngân hàng Giám sát, Công ty Quản lý Quỹ, Ban Đại diện Quỹ để thực hiện kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu. Biên bản, nghị quyết được công bố trên trang tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ trong vòng bảy*(07)* ngày kể từ ngày kết thúc việc lấy ý kiến.

## Điều 23. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư

1. Mỗi đơn vị Quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng Giám sát, Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán, công ty luật cung cấp dịch vụ cho Quỹ được quyền tham gia Đại hội Nhà đầu tư nhưng không được biểu quyết.

2. Đại hội Nhà đầu tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Trường hợp lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản, Đại hội Nhà đầu tư ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư tại cuộc họp được thông qua khi số Nhà đầu tư đại diện ít nhất năm mươi mốt phần trăm (51%) tổng số đơn vị quỹ của các Nhà đầu tư dự họp tán thành.

4. Đối với các nội dung quy định tại Khoản 2, 3 Điều 21 Điều lệ này, quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua khi số Nhà đầu tư đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số đơn vị quỹ của các Nhà đầu tư dự họp tán thành

5. Trường hợp lấy ý kiến dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua nếu được số Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất năm mươi mốt phần trăm *(51%)* tổng số phiếu biểu quyết của các Nhà đầu tư biểu quyết chấp thuận.

6. Công ty Quản lý Quỹ và Ban Đại diện Quỹ có trách nhiệm xem xét đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại hội Nhà đầu tư là phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ.

7. Trong vòng bảy *(07)* ngày sau khi kết thúc Đại hội Nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ, Ban Đại diện Quỹ có trách nhiệm lập Biên bản và Nghị quyết Đại hội và gửi cho Ngân hàng Giám sát, cung cấp cho Nhà đầu tư hoặc công bố thông tin theo quy định của pháp luật trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

## Điều 24. Phản đối quyết định của Đại hội Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư về một số các nội dung quy định tại Khoản 2, 3 Điều 21 có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Nhà đầu tư, số lượng đơn vị quỹ, lý do yêu cầu mua. Yêu cầu phải được Nhà đầu tư gửi cho Công ty Quản lý Quỹ trong thời hạn mười lăm*(15)* ngày, kể từ ngày Đại hội Nhà đầu tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

2. Trong thời hạn bốn mươi lăm*(45)* ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp đại hội Nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm hoàn tất việc mua lại Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư phản đối quyết định của Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 1, Điều này đối với các yêu cầu của Nhà đầu tư được gửi tới trụ sở của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối. Trong trường hợp này, mức giá mua lại được xác định trên cơ sở giá trị tài sản ròng tại Ngày giao dịch ngay sau ngày họp Đại hội Nhà đầu tư và Nhà đầu tư không phải thanh toán Phí mua lại.

# CHƯƠNG V. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

## Điều 25. Ban Đại diện Quỹ

1. Ban Đại diện Quỹ có từ ba *(03)* đến mười một *(11)* thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba số thành viên Ban Đại diện Quỹ là thành viên độc lập.

2. Trong Ban Đại diện Quỹ phải có:

   a) Tối thiểu một *(01)* thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;

   b) Tối thiểu một (01*)* thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;

   c) Tối thiểu một *(01)* thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật và các quy định trong lĩnh vực chứng khoán.

3. Trường hợp cơ cấu Ban Đại diện Quỹ hoặc thành viên không còn đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này, hoặc thành viên bị buộc phải từ nhiệm trong thời hạn mười lăm *(15)* ngày sau khi phát hiện sự việc, Ban Đại diện Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm lựa chọn thành viên đáp ứng quy định tại Khoản 2 điều này để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại diện Quỹ cho tới khi đại hội Nhà đầu tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.

## Điều 26. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại diện Quỹ

1. Ưu tiên những người nổi tiếng có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý kinh tế, tài chính và thị trường vốn được đề cử tại Đại hội Nhà đầu tư.

2. Thành viên độc lập không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.

3. Chủ tịch phải có trình độ quản lý kinh tế, tài chính, am hiểu hoạt động kinh doanh của Quỹ đầu tư.

4. Không thuộc đối tượng bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban Đại diện Quỹ do quy định của luật pháp hoặc của UBCKNN hoặc các cơ quan có thẩm quyền.

## Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ

1. Đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Quỹ và Nhà đầu tư.

2. Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá; nguyên tắc và phương pháp xác

định giá trị tài sản ròng; danh sách, hạn mức *(nếu có)* cho các ngân hàng nhận tiền gửi, các tổ chức phát hành công cụ thị trường tiền tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng; chính sách quản lý rủi ro; chấp thuận các giao dịch tài sản của Quỹ theo thẩm quyền đối với các giao dịch theo phương thức thỏa thuận. Các quyết định được đưa ra trên cơ sở thận trọng nhất để đảm bảo an toàn tài sản của Quỹ.

3. Quyết định tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư của Quỹ *(nếu có)*; mức lợi nhuận phân phối; thời hạn và thủ tục phân phối lợi nhuận, hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật.

4. Trong trường hợp Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền, Ban Đại diện Quỹ được quyết định các vấn đề quy định tại Khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 tại Điều 21 Điều lệ quỹ này.

5. Có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.

6. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật hiện hành.

7. Trong thời hạn mười lăm *(15)* ngày, kể từ ngày Ban Đại diện Quỹ quyết định các vấn đề quy định tại Khoản 4 Điều này, Ban Đại diện Quỹ, thông qua Công ty Quản lý Quỹ, phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ngân hàng Giám sát biên bản họp và nghị quyết của Ban Đại diện Quỹ, đồng thời cung cấp thông tin về nội dung quyết định cho Nhà đầu tư tại trang tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

8. Khi thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình, Ban Đại diện Quỹ tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và quyết định của Đại hội Nhà đầu tư. Trong trường hợp quyết định do Ban Đại diện Quỹ thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ gây thiệt hại cho Quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Quỹ; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

## Điều 28. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ

1. Đại hội Nhà đầu tư bầu Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ trong số thành viên Ban đại diện.

2. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

   a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Đại diện Quỹ;

   b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Đại diện Quỹ;

   c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại diện Quỹ;

   d) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ Quỹ.

## Điều 29. Thủ tục điều hành của Ban Đại diện Quỹ

Trường hợp Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban Đại diện Quỹ được Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban Đại diện Quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội Nhà đầu tư thường niên gần nhất.

## Điều 30. Đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban Đại diện Quỹ

Thành viên Ban Đại diện Quỹ bị đình chỉ hoặc bãi miễn đương nhiên trong các trường hợp sau:

1. Bị khởi tố hoặc truy tố.
2. Bị tòa tuyên bố là mất tích, chết hoặc mất năng lực hành vi.
3. Bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban Đại diện Quỹ do quy định của luật pháp hoặc của UBCKNN hoặc các cơ quan có thẩm quyền.
4. Xin từ chức, chết hoặc hết nhiệm kỳ.
5. Bị cách chức thành viên Ban Đại diện Quỹ khi có Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.
6. Không tham gia các hoạt động của Ban đại diện trong sáu*(06)* tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
7. Thực hiện những hành vi làm tổn hại đến quyền và lợi ích của Nhà đầu tư và Quỹ.
8. Việc chỉ định thành viên thay thế được thông qua Đại hội Nhà đầu tư thường niên kế tiếp, trừ trường hợp Đại hội Nhà đầu tư được triệu tập bất thường do việc bãi miễn tư cách thành viên Ban Đại diện Quỹ nêu tại Điều này dẫn đến số lượng thành viên của Ban Đại diện Quỹ ít hơn so với số lượng thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật hiện hành.

## Điều 31. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ

1. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ có quyền triệu tập họp Ban Đại diện Quỹ. Ban Đại diện Quỹ phải họp ít nhất mỗi quý một lần, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường.
2. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ được tiến hành khi có từ hai phần ba *(2/3)* tổng số thành viên trở lên dự họp trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm từ năm mươi mốt phần trăm *(51%)* trở lên.
3. Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin, nghe, nhìn hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản và bằng hình thức khác theo quy định tại Điều lệ quỹ. Mỗi thành viên Ban Đại diện Quỹ có một phiếu biểu quyết. Thành viên không trực

tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản.

4. Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được thông qua nếu được từ sáu mươi phần trăm *(60%)* trở lên số thành viên dự họp và từnăm mươi mốt phần trăm *(51%)* trở lên số thành viên độc lập thông qua.

5. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Ban Đại diện Quỹ.

6. Nghị quyết, Biên bản của cuộc họp Ban Đại diện Quỹ phải được gửi đến Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và các bên liên quan *(chỉ với các nội dung được đề cập tại Khoản 4, Điều 27)*.

7. Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát được quyền tham dự các cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ, nhưng không có quyền tham gia biểu quyết.

# CHƯƠNG VI. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

## Điều 32. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Đã được UBCKNN cấp phép hoạt động quản lý Quỹ.
2. Hoàn toàn độc lập với Ngân hàng Giám sát.
3. Có đầy đủ khả năng thực hiện công tác quản lý Quỹ.

## Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ

1. Nghĩa vụ Công ty Quản lý Quỹ

   a) Tuân thủ Điều lệ Quỹ và bảo vệ quyền lợi của Nhà đầu tư;

   b) Công bằng, trung thực và vì lợi ích của Quỹ và Nhà đầu tư;

   c) Bảo vệ an toàn và quản lý tách biệt tài sản của từng Quỹ, của Công ty Quản lý Quỹ;

   d) Đối với những giao dịch của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện trong đó có sự tham gia của người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, phải đảm bảo sự công bằng và không làm tổn hại đến quyền lợi của Quỹ; thông báo đầy đủ thông tin liên quan đến giao dịch đó cho Ban Đại diện Quỹ, UBCKNN và thông báo công khai cho Nhà đầu tư;

   e) Bảo đảm việc uỷ quyền trách nhiệm cho bên thứ ba và sự thay đổi tổ chức, quản lý của Công ty Quản lý Quỹ không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Quỹ;

   f) Đền bù các tổn thất của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều này;

   g) Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng thành viên, những người quản lý và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ đều phải được báo cáo và quản lý tập trung tại Công ty Quản lý Quỹ dưới sự giám sát của bộ phận kiểm soát nội bộ;

   h) Khi Công ty Quản lý Quỹ giao dịch mua, bán các tài sản cho Quỹ thì Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc, Giám đốc đầu tư, người điều hành quỹ không được nhận bất kỳ một lợi ích nào cho công ty hoặc cho chính mình hoặc cho một người thứ ba, ngoài khoản phí quy định trong Điều lệ Quỹ;

   i) Thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định của pháp luật;

   j) Trong trường hợp Ngân hàng Giám sát phát hiện và thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ biết giao dịch không phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ hoặc vượt quá thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải huỷ bỏ giao dịch

đó hoặc thực hiện mua hoặc bán tài sản của Quỹ nhằm phục hồi tài sản Quỹ như trước khi có giao dịch. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này do Công ty Quản lý Quỹ chịu;

k) Thay mặt Quỹ đầu tư thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan đến các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ.

l) Cung cấp cho các Nhà đầu tư các báo cáo có liên quan hàng tháng, quý, năm theo quy định của pháp luật.

m) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Ngân hàng giám sát

n) Các nghĩa vụ khác theo Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật hiện hành.

2. Quyền của Công ty Quản lý Quỹ

a) Được tham dự các cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ *(nhưng không được quyền biểu quyết)*.

b) Được hưởng các khoản phí và thưởng quy định trong Điều lệ Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật hoặc theo các quy định khác của Đại hội Nhà đầu tư.

c) Được hoạt động tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán; Công ty Quản lý Quỹ chỉ được tư vấn tài chính cho các doanh nghiệp đầu tư vào hoặc tiếp nhận nguồn vốn đầu tư từ các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý; không được tham gia các hoạt động tư vấn niêm yết hoặc tư vấn phát hành chứng khoán.

d) Được thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật.

e) Các quyền khác theo Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật hiện hành.

## Điều 34. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty Quản lý Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

a) Theo đề nghị Ban Đại diện Quỹ sau khi đã được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;

b) Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;

c) Hợp nhất, sáp nhập với một công ty quản lý quỹ khác;

d) Quỹ hết thời gian hoạt động.

2. Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ tối thiểu sáu (06) tháng, Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ.

## Điều 35. Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ không được là người có liên quan của Ngân hàng Giám sát.

2. Công ty Quản lý Quỹ, người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được tham gia góp vốn thành lập, giao dịch chứng chỉ quỹ mở mà Công ty Quản lý Quỹ đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các nhà đầu tư khác.

3. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức mà thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Đại diện Quỹ, nhân viên công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm *(10%)* vốn điều lệ.

4. Công ty Quản lý Quỹ không được phép dùng vốn của Quỹ để mua tài sản của một quỹ khác mà mình quản lý nhằm làm tăng hay giảm giá trị của Quỹ.

5. Công ty Quản lý Quỹ không được đầu tư vốn của Quỹ vào bất kỳ tài sản hoặc loại chứng khoán nào mà trong đó Công ty Quản lý Quỹ, nhân viên và người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ có quyền lợi, trừ trường hợp có sự cho phép trước của Ban Đại diện Quỹ.

6. Công ty Quản lý Quỹ không được nhận cho chính mình bất kỳ thu nhập hay lợi ích nào thu được từ việc sử dụng các dịch vụ giao dịch tài sản Quỹ do một tổ chức thứ ba cung cấp và phải hạch toán các khoản này vào thu nhập của Quỹ.

7. Công ty Quản lý Quỹ không được thực hiện các giao dịch làm tăng chi phí và rủi ro không hợp lý cho Quỹ.

8. Các hạn chế khác theo Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật.

# CHƯƠNG VII. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

## Điều 36. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, Điều 98 Luật Chứng khoán và không phải là người có liên quan tới Công ty Quản lý Quỹ.

## Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát

1. Nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát

   a) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của ngân hàng;

   b) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản Quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ Quỹ;

   c) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ Quỹ;

   d) Tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của Công ty Quản lý Quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của Ngân hàng Giám sát và tài sản của chính Ngân hàng Giám sát;

   e) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;

   f) Giám sát việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo tần suất phù hợp với các quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ, đảm bảo giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ

   g) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân hàng Giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công ty Quản lý Quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi UBCKNN;

   h) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ;

   i) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ Quỹ;

   j) Thanh toán tiền cho Nhà đầu tư của Quỹ khi Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư, hoặc khi quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà đầu tư và các trường hợp khác theo quy định

của pháp luật, Điều lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ,đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ;

k) Các nghĩa vụ khác theo Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật.

2. Quyền của Ngân hàng Giám sát

a) Được rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ; bảo đảm giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ.

b) Được kiểm tra hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, kiểm tra các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan.

c) Được rà soát, thẩm định năng lực hệ thống máy tính, phần mềm máy tính, yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ kịp thời cung cấp các quy trình quản lý tài sản, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, sổ tay định giá, quy trình nhận và thực hiện lệnh của Nhà đầu tư và các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quỹ.

d) Được sử dụng các dịch vụ cung cấp bởi công ty kiểm toán và các tổ chức khác để thực hiện công việc được quy định trong Hợp đồng đã ký và tự chịu toàn bộ chi phí.

e) Các quyền khác theo Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật.

## Điều 38. Hoạt động giám sát của Ngân hàng Giám sát

1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân hàng thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân hàng Giám sát phải:

a) Phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ; kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện công tác xác định giá tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ;

b) Kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ, bao gồm cả các tài sản không phải là chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam; kiểm tra, giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan. Trong trường hợp phát hiện vi phạm các quy định của pháp luật, Ngân hàng Giám sát phải báo cáo ngay cho UBCKNN và thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ trong vòng hai mươi tư *(24)* giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu thực hiện sửa lỗi hoặc thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả của các hành vi vi phạm này trong thời hạn quy định;

c) Giám sát việc tổ chức thực hiện và thẩm định kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản quỹ;

d) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của quỹ các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ;

e) Kiểm tra, giám sát các hoạt động khác của Công ty Quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của quỹ theo đúng quy định tại Điều 98 Luật Chứng khoán và Điều lệ Quỹ;

f) Công Ty Quản lý Quỹ có thể tùy từng thời điểm gửi tiền của Quỹ tại bất kỳ ngân hàng hoặc tổ chức nào khác trong danh sách tổ chức tín dụng được Ban đại diện Quỹ phê duyệt, và ngân hàng giám sát sẽ, khi nhận được và theo chỉ thị phù hợp của Công Ty Quản lý Quỹ, đặt khoản tiền được lưu giữ bởi hoặc theo lệnh của Công Ty Quản lý Quỹ tới ngân hàng hoặc tổ chức đó. Ngay cả với những điều kiện bao gồm ở đây ngân hàng giám sát sẽ không chịu trách nhiệm lưu giữ an toàn số tiền được đặt tại ngân hàng hoặc các tổ chức khác đó và sẽ không có nghĩa vụ đối với bất kỳ sự thất thoát xảy ra do giải thể, phá sản hoặc mất khả năng thanh toán của ngân hàng hoặc tổ chức đó.

Đối với các chứng khoán mà Quỹ mua hoặc thuộc về Quỹ nhưng chưa được lưu ký tại Ngân hàng Giám sát, Ngân hàng Giám sát có quyền, hàng tháng xác minh việc đăng ký các chứng khoán này dưới tên của Quỹ. Nếu có Tiền mặt thuộc về Quỹ và Khách Hàng đã lưu ký tại các ngân hàng và các tổ chức khác, hàng tháng Ngân hàng Giám sát có quyền xác minh khoản Tiền mặt đó được gửi tại tài khoản của Quỹ với ngân hàng và các tổ chức đó. Để Ngân hàng Giám sát có thể thực hiện quyền của mình, Khách Hàng đồng ý, trên cơ sở hàng tháng, yêu cầu tổ chức phát hành, các ngân hàng và tổ chức khác gửi xác nhận trực tiếp tới Ngân hàng, liên quan tới đăng ký của các chứng khoán này dưới tên Quỹ hoặc liên quan tới việc gửi Tiền mặt trong tài khoản của Quỹ, Ngân hàng Giám sát có quyền tin tưởng vào xác nhận của các tổ chức phát hành, ngân hàng và các tổ chức khác và không phải chịu trách nhiệm về bất cứ hành động lừa dối hoặc các thiếu sót hoặc vi phạm của các tổ chức phát hành, ngân hàng và các tổ chức khác đó.

g) Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm kiểm tra việc định giá tài sản hoặc nghĩa vụ nợ của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ tiến hành. Hơn nữa, nếu những trường hợp nêu dưới đây đối với việc định giá hoặc báo giá được ủy quyền hợp lệ theo các văn bản cấu thành theo luật của Quỹ *(bao gồm Bản Cáo Bạch Quỹ, Điều Lệ Quỹ và bất kỳ sửa đổi nào, nghị quyết được thông qua hợp lệ của Ban Đại Diện hoặc Đại hội Nhà Đầu tư của Quỹ)*, ngay cả khi có những chấp thuận hợp lệ này, Ngân hàng Giám sát sẽ không chịu trách nhiệm khi kiểm tra việc định giá của bất kỳ tài sản hoặc nghĩa vụ nợ nào của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ tiến hành trong những trường hợp này.

*i.* Ngân hàng Giám sát không thể kiểm tra việc định giá một cách độc lập, hoặc xác nhận giá trị của, bất kỳ tài sản hoặc nghĩa vụ nợ nào của Quỹ sử dụng ít nhất hai nguồn cung cấp giá độc lập; hoặc

*ii.* Ngân hàng Giám sát được chỉ thị bởi Quỹ *(hoặc Ban Đại diện hoặc Đại hội Nhà Đầu Tư của Quỹ)* hoặc Công Ty Quản lý Quỹ sử dụng dịch vụ cung cấp giá tự động, nhà môi giới, nhà tạo lập thị trường, nhà trung gian hoặc các bên thứ ba khác riêng biệt để xác định giá trị của bất kỳ tài sản hoặc nghĩa vụ nợ nào của Quỹ; hoặc

*iii.* Ngân hàng Giám sát chỉ hoàn toàn dựa trên bất kỳ định giá hoặc thông tin liên quan đến định giá của các tài sản hoặc nghĩa vụ nợ của các Quỹ mà được cung cấp tới Ngân hàng Giám sát bởi: (i) Ban Đại diện của Quỹ hoặc Công Ty Quản lý Quỹ; và/hoặc (ii) bất kỳ tổ chức định giá, đại lý định giá thứ ba, tổ chức trung gian hoặc các bên thứ ba khác mà theo từng trường hợp do Ban Đại diện của Quỹ hoặc Công Ty Quản lý Quỹ chỉ định hoặc ủy quyền để cung cấp định giá hoặc thông tin liên quan đến định giá các tài sản và nghĩa vụ nợ của Quỹ tới Ngân hàng Giám sát.

*((i), (ii) và (iii) gọi chung là "Những định giá bị Ảnh hưởng")*

h) Ngân hàng Giám sát sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào gây ra bởi bất kỳ người nào do hậu quả của bất kỳ sự không chính xác, sai sót hoặc trì hoãn nào trong Những Định giá bị ảnh hưởng hoặc bất kỳ sai sót hệ quả nào trong Giá trị Tài sản ròng của Quỹ.

i) Quỹ và Công Ty Quản lý Quỹ đồng ý sẽ bồi hoàn cho Ngân hàng Giám sát đối với mọi khoản nợ, khiếu nại, chi phí, tổn thất hoặc các thiệt hại khác *(ngoại trừ xuất phát từ sự gian lận, sơ suất hay bỏ qua có chủ định đối với trách nhiệm của Ngân hàng Giám sát)* mà Ngân hàng Giám sát có thể gánh chịu tại bất kỳ thời điểm nào do kết quả trực tiếp hoặc gián tiếp của bất kỳ sự không chính xác, sai sót hoặc trì hoãn trong Những Định giá bị ảnh hưởng.

2. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười*(10)* năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân hàng Giám sát đối với Công ty Quản lý Quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ.

4. Ngân hàng Giám sát có quyền kiểm tra Công ty Quản lý Quỹ, rà soát, thẩm định năng lực hệ thống máy tính, phần mềm máy tính, yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ kịp thời cung cấp các quy trình quản lý tài sản, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, sổ tay định giá, quy trình nhận và thực hiện lệnh của Nhà đầu tư và các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, để Ngân hàng Giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật.

5. Ngân hàng Giám sát được sử dụng các dịch vụ cung cấp bởi công ty kiểm toán và các tổ chức khác để thực hiện quy định tại khoản 4 Điều này và tự chịu chi phí phát sinh. Ngân hàng Giám sát, các tổ chức, cá nhân thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ theo yêu cầu của Ngân hàng Giám sát, có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi thông tin của Công ty Quản lý Quỹ, Quỹ và Nhà đầu tư. Biên bản kiểm tra có xác nhận bởi các bên liên quan về các tài liệu đính kèm phải được cung cấp cho Ban Đại diện Quỹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp có yêu cầu bằng văn bản.

6. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Nhà đầu tư, Ngân hàng Giám sát phải phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Nhà đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm liên đới và phải đền bù thiệt hại cho Nhà đầu tư và Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân hàng Giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng của quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với quỹ theo các quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo thỏa thuận dân sự giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.

## Điều 39. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng Giám sát

1. Ngân hàng Giám sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

   a) Ngân hàng Giám sát được tự nguyện chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với Quỹ và phù hợp với quy định của Điều lệ quỹ được Đại hội đồng thành viên chấp thuận;

   b) Ngân hàng Giám sát chấm dứt hoạt động, giải thể, tuyên bố phá sản;

   c) Theo đề nghị của Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ban Đại diện Quỹ được Đại hội đồng thành viên chấp thuận.

2. Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 nói trên, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng Giám sát được chuyển giao cho một ngân hàng giám sát khác phải theo quy định của pháp luật.

# CHƯƠNG VIII. CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

## Điều 40. Các hoạt động được ủy quyền

Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan như Ngân hàng lưu ký, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán để cung cấp các dịch vụ bên ngoài gồm toàn bộ hoặc một số hoạt động ủy quyền đi kèm như sau:

1. Dịch vụ Đại lý chuyển nhượng

   a) Lập và quản lý sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của Nhà đầu tư, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ;

   b) Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán của Nhà đầu tư; chuyển quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ; cập nhật sổ chính;

   c) Hỗ trợ Nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư;

   d) Duy trì kênh liên lạc với Nhà đầu tư, đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;

   e) Cung cấp cho Nhà đầu tư sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác;

   f) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ và hợp đồng đã ký kết với Công ty Quản lý Quỹ.

2. Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư

   a) Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào Quỹ;

   b) Lập báo cáo tài chính Quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho Quỹ;

   c) Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ;

   d) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và Hợp đồng đã ký với Công ty Quản lý Quỹ.

3. Các dịch vụ khác trên cơ sở hoạt động Quỹ và quy định pháp luật.

## Điều 41. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

Tổ chức được lựa chọn cung cấp dịch vụ cho Quỹ phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

1. Phải là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Được phép cung cấp các dịch vụ liên quan, phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Có đầy đủ năng lực, hệ thống, quy trình nghiệp vụ, nhân sự, kinh nghiệm, tính chuyên nghiệp theo yêu cầu của Công ty quản lý Quỹ cũng như quy định của pháp luật Việt Nam về các dịch vụ cung cấp.

4. Phải có bộ phận chuyên trách cung cấp dịch vụ nhận ủy quyền. Trong trường hợp một tổ chức nhận nhiều dịch vụ ủy quyền, các bộ phận chuyên trách phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ đối với mỗi dịch vụ có liên quan cụ thể.

## Điều 42. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Bên nhận ủy quyền phải có đủ cơ sở vật chất, quy trình nghiệp vụ, nhân sự với kinh nghiệm và yêu cầu chuyên môn để thực hiện dịch vụ được ủy quyền.

2. Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của bên nhận ủy quyền được quy định cụ thể trong hợp đồng dịch vụ được ký kết với Công ty Quản lý Quỹ.

3. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới Nhà đầu tư và đối tác của Công ty Quản lý Quỹ;

4. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công ty Quản lý Quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công ty Quản lý Quỹ.

## Điều 43. Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với Quỹ

2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công ty Quản lý Quỹ phải thẩm định năng lực, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của bên nhận ủy quyền bảo đảm bên nhận ủy quyền có quy trình nghiệp vụ, đủ năng lực về nhân sự và hệ thống để thực hiện các hoạt động được ủy quyền, bao gồm hệ thống kiểm soát nội bộ, trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn...;

3. Định kỳ kiểm tra, giám sát thường xuyên bảo đảm hoạt động đã uỷ quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp của bên nhận ủy quyền, phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Quỹ.

4. Công ty Quản lý Quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức

chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định này;

5. Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;

6. Xây dựng các quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;

7. Công ty Quản lý Quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công ty Quản lý Quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà đầu tư;

8. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền;

9. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền.

10. Tối thiểu một*(01)* năm một lần, Công ty Quản lý Quỹ phải lập báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động ủy quyền với các nội dung sau:

    a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của Quỹ;

    b) Các ảnh hưởng *(nếu có)* của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của Quỹ;

    c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền *(trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho Công ty Quản lý Quỹ)*;

    d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà đầu tư.

## Điều 44. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

Việc chấm dứt hoạt động ủy quyền với Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan dựa trên thay đổi trong quy định pháp luật, Hợp đồng đã ký kết và tự nguyện chấm dứt giữa các bên.

# CHƯƠNG IX. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI, ĐẠI LÝ KÝ DANH

## Điều 45. Tiêu chuẩn lựa chọn, đánh giá Đại lý phân phối, Đại lý ký danh

1. Là Công ty Quản lý Quỹ, công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, ngân hàng lưu ký, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại và tổ chức kinh tế khác. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại, tổ chức kinh tế khác thì phải làm thủ tục đăng ký hoạt động phân phối Chứng chỉ Quỹ với UBCKNN.

2. Tại thời điểm đăng ký hoạt động, có ít nhất một địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ đáp ứng yêu cầu của pháp luật.

3. Có quy trình nghiệp vụ phân phối Chứng chỉ Quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về Nhà đầu tư và người được hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ, quy định nội bộ.

4. Các yêu cầu khác theo quy định pháp luật.

## CHƯƠNG X. KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

### Điều 46. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán

1. Hàng năm, Công ty Quản lý Quỹ sẽ đề xuất ít nhất hai *(02)* công ty kiểm toán để trình Đại hội Nhà đầu tư *(hoặc Ban Đại diện Quỹ theo ủy quyền của Đại hội Nhà đầu tư)* quyết định công ty kiểm toán được lựa chọn tiến hành kiểm toán cho Quỹ.

2. Các công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

   a) Được thành lập và hoạt động tại Việt Nam, được phép cung cấp dịch vụ kiểm toán.

   b) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán.

   c) Được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cho phép kiểm toán Quỹ đầu tư.

3. Công ty kiểm toán được lựa chọn sẽ tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính của Quỹ phù hợp với giấy phép của UBCKNN.

### Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ/giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

### Điều 48. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

### Điều 49. Báo cáo tài chính

1. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.

2. Các báo cáo tài chính sẽ được kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn.

3. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban Đại diện Quỹ và cập nhật trên trang chủ của Công ty Quản lý Quỹ.

4. Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của UBCKNN về báo cáo tài chính.

## Điều 50. Báo cáo khác

Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của UBCKNN về công bố thông tin và báo cáo các hoạt động kinh doanh.

# CHƯƠNG XI. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

## Điều 51. Xác định giá trị tài sản ròng

1. Ngày định giá là Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo quy định tại Bản Cáo bạch.

2. Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng là phù hợp các quy định của pháp luật, giá trị tài sản ròng được tính chính xác.

3. Giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ phải được Ngân hàng Giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám sát đã được Công ty Quản lý Quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm thông báo và yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan điều chỉnh kịp thời trong vòng hai mươi bốn *(24)* giờ.

4. Trong thời hạn tối đa ba *(03)* ngày làm việc kể từ ngày định giá, sau khi có xác nhận của Ngân hàng Giám sát, giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ phải được công bố cho Nhà đầu tư trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, đại lý phân phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

5. Các quy định khác theo quy định của pháp luật.

## Điều 52. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

1. Giá trị tài sản ròng (NAV) là Tổng giá trị các tài sản đầu tư của Quỹ trừ đi Tổng các nghĩa vụ nợ có liên quan *(như phí quản lý, phí lưu ký, phí giám sát, lãi vay ngân hàng nếu có...)* tại ngày liền trước Ngày định giá.

2. Tổng giá trị các tài sản đầu tư của Quỹ:

   *Tham khảo Phụ lục 4. Phương pháp định giá các tài sản trong danh mục đầu tư.*

3. Giá trị đơn vị Quỹ (NAV/CCQ):

$$V = \frac{NAV}{N}$$

*Trong đó:*

- *V: giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ tại Ngày định giá.*
- *N: Tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành tại Ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ gần nhất trước Ngày định giá.*

4. Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ tại ngày định giá khi dùng để phân bổ Chứng chỉ Quỹ cho các lệnh giao dịch được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

### Điều 53. Quy trình định giá tài sản quỹ

Quy trình định giá tài sản quỹ được quy định tại Sổ tay định giá của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ xây dựng và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

### Điều 54. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

1. Danh sách của tối thiểu ba *(03)* tổ chức cung cấp báo giá, không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát, phải được Ban Đại diện Quỹ thông qua.

2. Việc lựa chọn và thay đổi tổ chức cung cấp báo giá do Công ty quản lý Quỹ đề xuất để Ban Đại diện Quỹ quyết định.

### Điều 55. Đền bù thiệt hại cho Nhà đầu tư, Quỹ

1. Quỹ và Nhà đầu tư thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ sẽ được đền bù nếu chịu thiệt hại trong trường hợp Giá trị tài sản ròng của Quỹ bị định giá sai với mức độ sai sót từ một phần trăm *(1%)* trở lên. Nhà đầu tư sẽ không được bồi thường nếu giá trị thiệt hại ít hơn một trăm nghìn *(100.000)* đồng và khoản tiền này sẽ được hạch toán vào thu nhập của Quỹ.

2. Công ty quản lý Quỹ có trách nhiệm phối hợp với Ngân hàng Giám sát, các tổ chức cung cấp dịch vụ cho Quỹ xác định nguyên nhân sai sót và là đại diện đền bù thiệt hại cho Nhà đầu tư.

3. Trong trường hợp Quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà đầu tư được xác định như sau:

   a) Đối với Nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ trước thời gian Quỹ bị định giá sai và bán chứng chỉ trong thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng chỉ Quỹ Nhà đầu tư đã bán;

   b) Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng chỉ Quỹ mà Quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện còn đang lưu hành;

4. Trong trường hợp Quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà đầu tư được xác định như sau:

   a) Đối với Nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng chỉ Quỹ mà Nhà đầu tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ

sau thời gian bị định giá sai;

b) Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng chỉ Quỹ mà Quỹ đã phát hành ra trước thời gian Quỹ bị định giá sai và Quỹ đã mua lại trong thời gian đó.

# CHƯƠNG XII. LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ

## Điều 56. Phân chia lợi nhuận của quỹ

1. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của Quỹ. Căn cứ kết quả hoạt động hàng năm của Quỹ, Đại hội Nhà đầu tư *(hoặc Ban Đại diện Quỹ theo ủy quyền của Đại hội Nhà đầu tư)* quyết định việc phân chia lợi nhuận của Quỹ theo đúng các quy định của pháp luật. Hình thức phân chia lợi nhuận có thể bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ Quỹ.
2. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.
3. Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.
4. Sau khi phân chia lợi nhuận, Công ty Quản lý Quỹ phải gửi cho Nhà đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận quỹ, bao gồm các nội dung sau:
   a) Phương pháp phân chia lợi nhuận *(bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ Quỹ)*;
   b) Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
   c) Giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng Chứng chỉ Quỹ phát hành để phân chia *(trong trường hợp chia lợi nhuận bằng Chứng chỉ Quỹ)*;
   d) Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận;
   e) Các ảnh hưởng tác động tới Giá trị tài sản ròng của Quỹ.

## Điều 57. Chi phí hoạt động của Quỹ

1. Phí quản lý Quỹ:
   a. Phí Quản lý Quỹ được trả cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý đầu tư cho Quỹ.
   b. Phí Quản lý Quỹ là không phẩy năm phần trăm một năm *(0,5%/năm)* tính trên Giá trị tài sản ròng của Quỹ và được thanh toán theo chu kỳ hàng tháng. Tổng số phí phải trả hàng tháng là tổng số phí được tính *(trích lập)* tại các chu kỳ định giá thực hiện trong tháng theo công thức tính phí cho các kỳ báo cáo sau:

$$\text{Phí phải trả} = \frac{\text{Tỷ lệ Phí Quản lý Quỹ (\%) x NAV tại cuối Chu kỳ định giá x Số ngày thực tế trong Chu kỳ định giá}}{\text{Số ngày thực tế trong năm (365/366)}}$$

Ngân hàng Giám sát sẽ tự động trích tiền từ tài khoản của Quỹ để trả cho Công ty Quản lý Quỹ theo chỉ thị thanh toán thường xuyên.

c. Căn cứ chiến lược hoạt động của Quỹ, Đại hội Nhà đầu tư có thể xem xét, điều chỉnh Phí Quản lý Quỹ theo đúng các quy định của pháp luật.

2. Chi phí lưu ký tài sản quỹ, chi phí giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát *(chi tiết tại Phụ lục 5)*.
3. Chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan *(chi tiết tại Phụ lục 5)*.
4. Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán.
5. Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ.
6. Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư, Ban Đại diện Quỹ.
7. Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ.
8. Các chi phí khác theo quy định của pháp luật.

# CHƯƠNG XIII. TÁI CƠ CẤU QUỸ

## Điều 58. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập

1. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.
2. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

## Điều 59. Các điều kiện tách quỹ

1. Việc tách Quỹ phải được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận và trong các trường hợp sau:
   a) Công ty Công ty Quản lý Quỹ không thể xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ vào Ngày định giá Chứng chỉ Quỹ do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;
   b) Các sự kiện khác do Điều lệ Quỹ quy định hoặc UBCKNN xét thấy là cần thiết.
2. Việc tách quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

## Điều 60. Các điều kiện giải thể quỹ

1. Việc thanh lý, giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:
   a) Công ty Quản lý Quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động mà Ban Đại diện Quỹ không xác lập được Công ty Quản lý Quỹ thay thế trong vòng hai *(02)* tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
   b) Ngân hàng Giám sát bị giải thể, phá sản, đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát hoặc bị Công ty Quản lý Quỹ chấm dứt hợp đồng giám sát; hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi mà Công ty Quản lý Quỹ không xác lập được Ngân hàng Giám sát thay thế trong vòng hai *(02)* tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
   c) Quỹ kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong Điều lệ Quỹ và trong Giấy Chứng nhận đăng ký lập Quỹ mà không được gia hạn *(nếu quy định thời hạn hoạt động)*;
   d) Giải thể quỹ theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;
   e) Giá trị tài sản ròng của Quỹ xuống dưới mười *(10)* tỷ liên tục trong sáu *(06)* tháng;
   f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc thanh lý giải thể quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật.

## CHƯƠNG XIV. GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

### Điều 61. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công ty Quản lý Quỹ và giữa Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ.

1. Công ty Quản lý Quỹ phải:

   a) Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý;

   b) Tách biệt tài sản của Công ty Quản lý Quỹ với tài sản của các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý, tài sản của Nhà đầu tư uỷ thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý.

2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành;

3. Công ty Quản lý Quỹ phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty Quản lý Quỹ.

## CHƯƠNG XV. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

### Điều 62. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư

Quy định về công bố thông tin của Quỹ phải tuân thủ các quy định liên quan của pháp luật hiện hành.

1. Công ty Quản lý Quỹ công bố thông tin định kỳ về Quỹ trong các trường hợp sau đây:

   a) Thay đổi Giá trị Tài sản ròng của Quỹ tại các Ngày giao dịch.

   b) Tình hình và kết quả hoạt động của Quỹ hàng tháng, hàng quý và hàng năm.

   c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty Quản lý Quỹ công bố thông tin về Quỹ theo yêu cầu của UBCKNN khi xảy ra các trường hợp bất thường được quy định theo pháp luật.

### Điều 63. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Điều lệ Quỹ chỉ được bổ sung và sửa đổi khi có sự phê duyệt của Đại hội Nhà đầu tư.

### Điều 64. Đăng ký Điều lệ

Điều lệ Quỹ hoặc các sửa đổi bổ sung Điều lệ Quỹ phải được đăng ký với UBCKNN và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận, phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ.

### Điều 65. Điều khoản thi hành

1. Quỹ được chính thức thành lập sau khi UBCKNN cấp giấy đăng ký lập Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật .

2. Đính kèm Điều lệ Quỹ các Phụ lục là một phần không tách rời của Điều lệ Quỹ như sau:

   Phụ lục số 1: Cam kết của Công ty Quản lý Quỹ

   Phụ lục số 2: Cam kết của Ngân hàng giám sát

   Phụ lục số 3: Cam kết chung của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát

Phụ lục số 4: Phương pháp định giá các tài sản trong danh mục đầu tư

Phụ lục số 5: Biểu phí lưu ký giám sát và phí trả cho dịch vụ ủy quyền

**Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Đậu Minh Lâm**

## Phụ lục số 1

# CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

**Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt**

- *Giấy phép thành lập:*Số 05/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08/11/2005 và điều chỉnh bổ sung tại Quyết định số 10/UBCK-GPĐCQLQ ngày 14/12/2007, Quyết định số 38/GPĐC-UBCK ngày 18/06/2012, Quyết định số 08/GPĐC-UBCK ngày 22/4/2015, Quyết định số 27/GPĐC-UBCK ngày 22/9/2015.

**Công ty Quản lý Quỹ cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bảo Việt:**

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động quản lý quỹ.
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tuỵ và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư.
3. Đảm bảo Quỹ luôn có một Ngân hàng Giám sát vào mọi thời điểm.
4. Trả cho Ngân hàng Giám sát các khoản phí và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.
5. Định kỳ cung cấp cho Ngân hàng Giám sát các thông tin sau:
   a. Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của quỹ, sổ đăng ký Nhà đầu tư và số lượng Chứng chỉ Quỹ mà Nhà đầu tư nắm giữ;
   b. Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;
   c. Bản đánh giá giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ;
   d. Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác .
6. Công bố và cập nhật các thông tin về Điều lệ quỹ *(và các phụ lục kèm theo)*, Bản cáo bạch *(và các phụ lục kèm theo)* và những thông tin khác theo yêu cầu của pháp luật tại trang chủ của Công ty Quản lý Quỹ.
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính Công ty Quản lý Quỹ hoặc những người có liên quan đến Công ty Quản lý Quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của Công ty Quản lý Quỹ trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà đầu tư.

9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời.

10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các Nhà đầu tư theo yêu cầu.

11. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Công ty Quản lý Quỹ hoặc người đại diện Công ty Quản lý Quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi Nhà đầu tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho Nhà đầu tư.

12. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của Quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.

13. Báo cáo kịp thời cho UBCKNN trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát không thống nhất.

14. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư Quỹ theo quy định của pháp luật.

**Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Đậu Minh Lâm**

**Phụ lục số 2**

# CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

**Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành.**

- *Giấy phép hoạt động:*Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần mười *(10)* ngày 20/05/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp

- *Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán:*510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà *nước cấp*

***Ngân hàng Giám sát cam kết:***

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động giám sát.

2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một Công ty Quản lý Quỹ tại mọi thời điểm.

3. Thực hiện một cách tận tuy, trung thực và thận trọng các chức năng Ngân hàng Giám sát đối với Quỹ.

4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các Nhà đầu tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ với Công ty Quản lý Quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.

5. Tách biệt tài sản của quỹ khỏi tài sản của Ngân hàng Giám sát, tài sản của Công ty Quản lý Quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân hàng Giám sát.

6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản quỹ, việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều lệ quỹ.

7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công ty Quản lý Quỹ không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công ty Quản lý Quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà đầu tư.

8. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm.

**Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành**

M.S.C.N: 0100150619-073 C.T.
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CHI NHÁNH HÀ THÀNH
Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Mỹ Linh

**Phụ lục số 3**

# CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

**Công ty TNHH quản lý quỹ Bảo Việt (BVF)**

- *Giấy phép thành lập:*Số 05/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08/11/2005 và điều chỉnh bổ sung tại Quyết định số 10/UBCK-GPĐCQLQ ngày 14/12/2007, Quyết định số 38/GPĐC-UBCK ngày 18/06/2012, Quyết định số 08/GPĐC-UBCK ngày 22/4/2015, Quyết định số 27/GPĐC-UBCK ngày 22/9/2015.

**Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành (BIDV Hà Thành)**

- *Giấy phép hoạt động:*Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần mười (10) ngày 20/05/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- *Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán:*510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà *nước cấp*

***BVF và BIDV Hà Thành cùng cam kết:***

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các Nhà đầu tư.
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ.
3. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ Quỹ hoặc Bản cáo bạch.

| Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt | Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành |
|---|---|
| Tổng Giám đốc | |
| Đậu Minh Lâm | PHÓ GIÁM ĐỐC<br>Lê Mỹ Linh |

Phụ lục số 4

# PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH GIÁ CÁC TÀI SẢN TRONG DANH MỤC ĐẦU TƯ

- Đối với tiền gửi

| Stt | Hạng mục | Nguyên tắc định giá |
|---|---|---|
| 1 | **Tiền gửi thanh toán tại ngân hàng** | Số dư trên tài khoản thanh toán, tài khoản phong tỏa tại ngày trước Ngày định giá. |
| 2 | **Đối với tiền gửi có kỳ hạn** | Bằng tiền gốc cộng lãi lũy kế theo hợp đồng tính đến ngày trước Ngày định giá. |

- Đối với tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ trên thị trường tiền tệ chiết khấu:

| Stt | Hạng mục | Niêm yết tại SGDCK | Chưa niêm yết tại SGDCK |
|---|---|---|---|
| | **Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ trên thị trường tiền tệ chiết khấu** | - Nếu có giao dịch: Giá được xác định trên cơ sở lãi suất chiết khấu của giao dịch gần nhất đến ngày trước Ngày định giá *(Nguồn thông tin: Bloomberg từ kết quả giao dịch trên HSX hoặc HNX)*<br>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 02 tuần tính đến ngày cuối cùng của kỳ định giá, giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau:<br>• Giá được xác định trên cơ sở lãi suất chiết khấu với lãi suất sử dụng là Lãi suất chiết khấu trung bình do 03 tổ chức báo giá cung cấp *(không quá 02 tuần tính đến Ngày Định* | Giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau:<br>- Giá được xác định trên cơ sở lãi suất chiết khấu với lãi suất sử dụng là Lãi suất chiết khấu trung bình do 03 tổ chức báo giá cung cấp *(không quá 02 tuần tính đến Ngày Định Giá)*;<br>- Theo phương pháp Giá trị sổ sách;<br>- Theo phương pháp định giá do Ban Đại diện Quỹ quyết định; |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | *Giá)*;<br>• Theo phương pháp Giá trị sổ sách;<br>• Theo phương pháp định giá do Ban Đại diện Quỹ quyết định; | |

- Đối với chứng khoán nợ và liên quan

| Stt | Hạng mục | Niêm yết tại SGDCK | Chưa niêm yết tại SGDCK |
|---|---|---|---|
| **1** | **Trái phiếu Chính phủ** | | |
| 1.1 | Trường hợp có giao dịch tham chiếu: | Giá được xác định trên cơ sở lãi suất chiết khấu của giao dịch gần nhất đến ngày trước Ngày Định Giá *(Nguồn thông tin: Bloomberg từ kết quả giao dịch trên HNX)*. | Theo phương pháp Giá trị sổ sách |
| 1.2 | Trường hợp không có giao dịch tham chiếu nhiều hơn 02 tuần tính đến ngày trước Ngày định giá hoặc có lãi suất chiết khấu vượt quá Giới hạn chênh lệch so với Lãi suất tiêu chuẩn (*) | Giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau:<br>- Giá được xác định trên cơ sở lãi suất chiết khấu với lãi suất sử dụng là Lãi suất chiết khấu trung bình do 03 tổ chức báo giá cung cấp *(không quá 02 tuần tính đến Ngày Định Giá)*;<br>- Theo phương pháp Giá trị sổ sách;<br>- Theo phương pháp định giá do Ban Đại diện Quỹ quyết định; | |

*(*) Lãi suất tiêu chuẩn:*

| Kỳ hạn còn lại | Lãi suất tiêu chuẩn | Giới hạn chênh lệnh |
|---|---|---|
| Từ 5 năm trở | Lãi suất của kỳ hạn tương ứng trên đường cong lãi suất VBMA được xác định theo | ± 20 bps |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | xuống | phương pháp nội suy tuyến tính | |
| | Trên 5 năm đến 10 năm | Lãi suất của kỳ hạn tương ứng trên đường cong lãi suất VBMA được xác định theo phương pháp nội suy tuyến tính | ± 10 bps |
| | Trên 10 năm | Lãi suất được xác định theo phương pháp nội suy tuyến tính trên cơ sở lãi suất trúng thầu gần nhất của kỳ hạn cận dưới *(ngắn hơn liền kề)* và kỳ hạn cận trên *(dài hơn liền kề)* | ± 05 bps |
| **2** | **Trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương** | | |
| | | - Nếu có giao dịch: Giá được xác định trên cơ sở lãi suất chiết khấu của giao dịch gần nhất đến ngày trước Ngày định giá *(Nguồn thông tin: Bloomberg từ kết quả giao dịch trên HSX hoặc HNX)*.<br>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 02 tuần tính đến ngày cuối cùng của kỳ định giá, giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau:<br>• Giá được xác định trên cơ sở lãi suất chiết khấu với lãi suất sử dụng là Lãi suất chiết khấu trung bình do 03 tổ chức báo giá cung cấp *(không quá 02 tuần tính đến Ngày Định Giá)*;<br>• Theo phương pháp Giá trị sổ sách;<br>• Theo phương pháp định giá do Ban Đại diện Quỹ quyết định; | Giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau:<br>- Giá được xác định trên cơ sở lãi suất chiết khấu với lãi suất sử dụng là Lãi suất chiết khấu trung bình do 03 tổ chức báo giá cung cấp *(không quá 02 tuần tính đến Ngày Định Giá)*;<br>- Theo phương pháp Giá trị sổ sách;<br>- Theo phương pháp định giá do Ban Đại diện Quỹ quyết định; |

- Các tài sản khác được phép đầu tư nhưng chưa quy định phương pháp định giá

Giá xác định theo phương pháp được cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ Quỹ phê duyệt.

## Phụ lục số 5

## BIỂU PHÍ LƯU KÝ GIÁM SÁT VÀ PHÍ TRẢ CHO DỊCH VỤ ỦY QUYỀN

### 1. Phí Lưu ký và Giám sát

| Stt | Loại phí | Mức phí | Tối thiểu / Tối đa | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| **A.I Phí lưu ký, giám sát** | | | | |
| | | 0,08%/NAV/Năm | Tối thiểu 20.000.000 đồng/tháng | |
| **A.II Phí lưu ký xử lý hồ sơ** | | | | |
| A.2.1 | Đối với giao dịch cổ phiếu, trái phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch | 0,01% giá trị giao dịch | Tối thiểu 100.000 đồng/ngày giao dịch<br>Tối đa 10.000.000 đồng/ngày giao dịch | |
| A.2.2 | Đối với các giao dịch mua bán chứng khoán OTC và các tài sản khác | 100.000 đồng/giao dịch | | |
| **A.III Phí lưu ký, chuyển khoản của VSD** *(Phí của bên thứ 3)* | | | | |
| A.3.1 | Phí lưu ký | 0,4 đồng/cổ phiếu, CCQ/tháng;<br>0,2 đồng/trái phiếu/tháng | | Phí lưu ký và phí chuyển khoản theo Quy định Bộ Tài chính trong từng thời kỳ. Khi Bộ Tài chính thay đổi biểu phí thì khoản mục phí này sẽ thay đổi tương ứng |
| A.3.2 | Phí chuyển khoản thực hiện giao dịch | 0,5 đồng/chứng khoán/lần chuyển khoản/mã chứng khoán | Không áp dụng/500,000 đồng/lần/mã chứng khoán | |
| A.3.3 | Các khoản phí VSD thu của thành viên liên quan trực tiếp đến hoạt động của Quỹ | Theo mức phát sinh cụ thể | | |

### 2. Phí dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng:

Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cung cấp dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng cho Quỹ với mức phí dịch vụ như sau:

- Phí dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng:

| Stt | Loại tiền dịch vụ | Mức phí (*) |
|---|---|---|
| 1 | Tiền cố định hàng tháng | 10.000.000 đồng/tháng |
| 2 | Tiền giao dịch *(mua, bán, hoán đổi, chuyển quyền sở hữu, chuyển khoản)*<br>- Đối với 400 giao dịch đầu tiên trong tháng:<br>- Đối với giao dịch trong tháng từ số 401 trở đi : | <br>Miễn phí<br>0,01% giá trị giao dịch/một giao dịch *(Giá trị giao dịch= số lượng CCQ giao dịch xNAV/CCQ mà Công ty quản lý Quỹ công bố tại Ngày giao dịch liền trước)* |
| 3 | Tiền thiết lập, duy trì thông tin<br>- Thiết lập dữ liệu ĐLPP, NHGS<br>- Thiết lập dữ liệu nhà đầu tư<br>- Duy trì thông tin tài khoản nhà đầu tư | Miễn phí |
| 4 | Tiền kết nối<br>- Khởi tạo kết nối lần đầu<br>- Duy trì kết nối hàng tháng | Miễn phí |
| 5 | Tiền cung cấp thông tin<br>- Thông tin giao dịch hàng ngày<br>- Thông tin kết quả giao dịch tại các ngày giao dịch<br>- Thông tin về số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành<br>- Thông tin danh sách nhà đầu tư sở hữu chứng chỉ quỹ | Miễn phí |
| 6 | Tiền thực hiện quyền<br>- Lập danh sách thực hiện quyền<br>- Phân phối lợi tức | <br>1.000.000 đồng/lần lập danh sách<br>Miễn phí |

*(*) Chưa bao gồm thuế VAT*

- **Phí khác**
  - Tiền gửi thư cho Nhà đầu tư sẽ được Công ty Quản lý Quỹ trả cho VSD theo thực tế phát sinh do VSD gửi cho Công ty Quản lý Quỹ kèm theo tài liệu chứng minh.
  - Trường hợp có yêu cầu cung cấp thông tin đặc thù theo yêu cầu hoặc các công việc khác, mức tiền Công ty Quản lý Quỹ trả cho VSD đối với các dịch vụ này được thực hiện trên cơ sở văn bản thỏa thuận đã được hai bên thống nhất.